

Họ, tên thí sinh:..... Lớp

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Thế mạnh chủ yếu của Trung du miền núi phía Bắc **không** phải là

- A. phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê, lợn.
- B. khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.
- C. phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
- D. trồng cây công nghiệp, cây ăn quả cận nhiệt.

Câu 2. Ngành công nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng phát triển dựa trên thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguồn tài nguyên, nguồn lao động và thị trường tiêu thụ lớn.
- B. Những nền tảng phát triển công nghiệp từ các giai đoạn trước.
- C. Mở rộng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài.
- D. Cơ sở hạ tầng hiện đại và nguồn lao động chất lượng cao nhất.

Câu 3. Thế mạnh về khai thác và chế biến khoáng sản ở Trung du miền núi phía Bắc **không** phải là

- A. cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện.
- B. chủ yếu là khoáng sản phi kim loại.
- C. giàu khoáng sản bậc nhất cả nước.
- D. ứng dụng khoa học công nghệ mới.

Câu 4. Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, mở rộng nuôi trồng, gắn sản xuất với chế biến.
- B. bền vững nguồn lợi thủy sản, đẩy mạnh nuôi trồng, tìm các ngư trường mới.
- C. tăng cường khai thác ven bờ, nuôi tôm trên cát, thúc đẩy liên kết sản xuất.
- D. mở rộng ngư trường đánh bắt, thúc đẩy nuôi tôm, hiện đại hóa tàu thuyền.

Câu 5. Vị trí địa lí của đồng bằng sông Hồng

- A. chỉ giáp với Bắc Trung Bộ.
- B. không giáp với Biển Đông.
- C. tiếp giáp với nước bạn Lào.
- D. nằm ở trung tâm Bắc Bộ.

Câu 6. Đặc điểm dân số của Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. có nhiều dân tộc anh em sinh sống.
- B. tỷ lệ tăng dân số tự nhiên rất cao.
- C. mật độ dân số cao hơn cả nước.
- D. dân cư chủ yếu sống ở thành thị.

Câu 7. Chăn nuôi gia súc ở Trung du và miền núi phía Bắc ngày càng phát triển chủ yếu là do

- A. thị trường tiêu thụ mở rộng, cơ sở thức ăn dần được đảm bảo.
- B. công nghiệp chế biến, cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư.
- C. chính sách khuyến khích của Nhà nước, thu hút vốn đầu tư.
- D. đồi núi chiếm phần lớn diện tích, khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Câu 8. Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch ở Đồng bằng Sông Hồng là

- A. vị trí thuận lợi, lao động đông, nhiều đô thị lớn, kinh tế phát triển.
- B. lao động có trình độ, giao thông đồng bộ, tài nguyên phong phú.
- C. địa hình đa dạng, khí hậu phân hóa theo mùa, nhiều di tích, lễ hội.
- D. nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.

Câu 9. Mục đích chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo sự liên kết các lãnh thổ với nhau, phát triển nhiều thành phần kinh tế.
- B. phát triển cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu thành phần kinh tế, phân bố lại dân cư.
- C. tạo ra cơ cấu ngành, khai thác tốt hơn các thế mạnh, tạo nhiều hàng hóa.
- D. phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển các vùng, đổi mới sản xuất.

Câu 10. Thế mạnh về điều kiện kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Hồng **không** phải là

- A. chất lượng lao động cao nhất cả nước.
- B. thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư.
- C. mật độ dân số thấp, cơ cấu dân số trẻ.
- D. cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật đồng bộ.

Câu 11. Tỉnh thành của vùng đồng bằng sông Hồng vừa tiếp giáp với Trung Quốc trên đất liền và trên biển là

- A. Lai Châu.
- B. Quảng Ninh.
- C. Điện Biên.
- D. Lạng Sơn.

Câu 12. Ngành thủy sản ở vùng Bắc Trung Bộ phát triển được chủ yếu do

- A. ít thiên tai, sông ngòi dày đặc, nguồn lợi sinh vật biển phong phú.
- B. các tỉnh giáp biển, gần các ngư trường lớn, dân cư có kinh nghiệm.
- C. có nhiều ngư trường, trình độ lao động cao, nguồn vốn đầu tư lớn.
- D. khí hậu thuận lợi, có nhiều cảng biển, dân cư nhiều kinh nghiệm.

Câu 13. Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. đổi mới trồng trọt, tăng hiệu quả kinh tế, thay đổi bộ mặt nông thôn.
- B. phát huy thế mạnh, phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp.
- C. thay đổi cách thức sản xuất, tạo ra việc làm, nâng cao vị thế của vùng.
- D. phân bố lại sản xuất, tạo nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nông sản.

Câu 14. Cây công nghiệp quan trọng nhất của vùng trung du và miền núi phía Bắc là

- A. cà phê.
- B. hồi.
- C. quế.
- D. chè.

Câu 15. Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển giao thông vận tải ở đồng bằng sông Hồng là

- A. thúc đẩy phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu đi lại.
- B. thúc đẩy công nghiệp hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại.
- C. đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, nâng cao đời sống.
- D. đẩy nhanh đô thị hóa, giảm thiểu ách tắc giao thông.

Câu 16. Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.
- B. đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.
- C. tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
- D. tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.

Câu 17. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. thu hút đầu tư, phát huy các thế mạnh, nâng cao vị thế của vùng.

- B. tạo ra việc làm, tăng sự phân hóa lãnh thổ, phân bố lại dân cư.
- C. khai thác nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống.
- D. thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm, tạo hàng xuất khẩu.

Câu 18. Vùng trung du miền núi phía Bắc gồm

- A. 15 tỉnh.
- B. 4 tỉnh.
- C. 9 tỉnh.
- D. 11 tỉnh.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao. Đất fe-ra-lit đỏ vàng chiếm 2/3 diện tích của vùng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế khác nhau như: trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn...

- a) Trung du và miền núi phía Bắc có điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp nhiệt đới.
- b) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh là điều kiện thuận lợi để phát triển cây ăn quả cận nhiệt và ôn đới.
- c) Sự phân hóa địa hình, đất, khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng của Trung du và miền núi phía Bắc.
- d) Cây chè phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do thị trường tiêu thụ rộng lớn, công nghiệp chế biến phát triển.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau:

Năm 2021, dân số của Đồng bằng sông Hồng có khoảng 23,2 triệu người chiếm 23,6% số dân cả nước, mật độ dân số cao đạt 1091 người/km². Tỷ lệ dân thành thị khoảng 37,6%. Vùng có tỷ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất cả nước. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 49,2% số dân của vùng, trong đó lao động đã qua đào tạo chiếm 37%.

- a) Đồng bằng sông Hồng có số dân đông, nguồn lao động dồi dào.
- b) Dân số ở đồng bằng sông Hồng chủ yếu sống ở thành thị.
- c) Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao chủ yếu là do có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- d) Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao là điều kiện thuận lợi để vùng phát triển đa dạng nhiều ngành kinh tế và thu hút đầu tư.

Câu 3. Cho một số thông tin về vùng kinh tế Bắc Trung Bộ:

Bắc Trung Bộ có dải đồng bằng ven biển với đất phù sa, đất cát phù hợp trồng cây công nghiệp hàng năm và cây lương thực. Khu vực gò đồi có diện tích tương đối rộng, thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn; một số nơi có đất bazan khá màu mỡ, tạo điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và trồng rừng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hóa theo độ cao địa hình thuận lợi cho phát triển các cây trồng nhiệt đới, cận nhiệt đới.

- a) Khu vực đồi núi thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc lớn.
- b) Việc sản xuất các nông sản nhiệt đới, cận nhiệt đới chủ yếu là do sự đa dạng của địa hình
- c) Các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên và góp phần phát triển bền vững là nông - lâm - ngư kết hợp.
- d) Cơ cấu cây công nghiệp thích hợp với địa hình, đất đai và khí hậu là cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, lạc, mía,...

Câu 4. Cho bảng số liệu:
SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ CẢ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2018 – 2022

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	2018	2019	2020	2022
Trung du và miền núi phía Bắc	1391,2	1332,4	1293,9	1245,3
Cả nước	2486,9	2388,8	2332,8	2262,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

- a) Đàn trâu có xu hướng tăng liên tục.
b) Năm 2022, đàn trâu của vùng Trung du miền núi phía Bắc chiếm gần 50% so với đàn trâu của cả nước.
c) Vùng nuôi nhiều trâu vì trâu phù hợp với điều kiện khí hậu lạnh.
d) Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu 1. Năm 2023, tổng đàn trâu cả nước là 2136,0 nghìn con, vùng Trung du và miền núi phía Bắc có 1193,5 nghìn con. Tính tỉ lệ trâu của Trung du miền núi phía Bắc trong tổng đàn trâu cả nước (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị %)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CẢ NƯỚC,
NĂM 2022

Vùng	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Tiêu chí		
Diện tích (nghìn ha)	970,3	7238,9
Sản lượng (nghìn tấn)	6020,4	43852,6

(Nguồn: Niên giám thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

TỔNG DIỆN TÍCH RỪNG Ở BẮC TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2022
Tổng diện tích rừng	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2022 so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

Họ, tên thí sinh:..... Lớp

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du miền núi phía Bắc là

- A. vị trí địa lý chiến lược, gần vùng kinh tế trọng điểm.
- B. nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào.
- C. cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng hoàn thiện.
- D. thị trường rộng và nguồn lao động có chất lượng.

Câu 2. Thủy sản ở Bắc Trung Bộ

- A. chỉ phát triển nuôi tôm hùm.
- B. công nghệ khai thác lạc hậu.
- C. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
- D. sản lượng giảm liên tục.

Câu 3. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.
- B. đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm.
- C. nâng cao thu nhập cho người lao động và bảo vệ môi trường.
- D. đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 4. Khai thác và chế biến khoáng sản ở Trung du miền núi phía Bắc hiện nay

- A. tập trung vào khai thác các mỏ than đá có giá trị cao.
- B. khai thác khoáng sản không tác động đến môi trường.
- C. chỉ xây dựng các nhà máy nhiệt điện công suất rất nhỏ.
- D. có nhiều loại khoáng sản được khai thác và chế biến.

Câu 5. Tất cả các tỉnh ở Bắc Trung Bộ đều có thể mạnh để

- A. trồng cây dược liệu.
- B. trồng rau vụ đông.
- C. phát triển kinh tế biển.
- D. khai thác khoáng sản.

Câu 6. Thế mạnh của khu vực đồi núi ở Bắc Trung Bộ là

- A. trồng rau quả cận nhiệt và chăn nuôi gia súc nhỏ.
- B. trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi gia súc lớn.
- C. trồng cây công nghiệp hàng năm, cây dược liệu.
- D. trồng cây công nghiệp, cây rau đậu và nuôi lợn.

Câu 7. Thế mạnh chủ yếu để phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng trung du miền núi phía Bắc là

- A. nhiều đồng cỏ, cơ sở chế biến được đầu tư.
- B. khí hậu thuận lợi, có nhiều công nghệ mới.
- C. nguồn nước dồi dào, chăn nuôi chuồng trại.
- D. thị trường tiêu thụ rộng, địa hình phân hóa.

- Câu 8.** Đặc điểm dân số của đồng bằng sông Hồng là
- A. tỷ lệ tăng dân số tự nhiên rất cao. B. có dân số đông và giảm liên tục.
C. dân cư chủ yếu sống ở thành thị. D. mật độ dân số cao nhất cả nước.
- Câu 9.** Vùng đồng bằng sông Hồng gồm
- A. 6 tỉnh/thành. B. 10 tỉnh/thành.
C. 14 tỉnh/thành. D. 11 tỉnh/thành.
- Câu 10.** Hướng phát triển cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở trung du miền núi phía Bắc **không** phải là
- A. sản xuất nông nghiệp hàng hóa. B. gắn với công nghiệp chế biến.
C. phát triển nông nghiệp hữu cơ. D. chỉ phục vụ cho xuất khẩu.
- Câu 11.** Trên đất liền, Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc và
- A. Mi-an-ma. B. Lào.
C. Thái Lan. D. Căm-pu-chia.
- Câu 12.** Sông có trữ năng thủy điện lớn nhất vùng Trung du và miền núi phía Bắc là
- A. sông Đà. B. sông Gâm. C. sông Lô. D. sông Chảy.
- Câu 13.** Cây công nghiệp hàng năm nổi bật của vùng Bắc Trung Bộ là
- A. mía, lạc B. mía, lúa gạo.
C. mía, cao su. D. mía, cà phê.
- Câu 14.** Lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ
- A. diện tích rừng trồng ngày càng giảm.
B. chỉ đẩy mạnh hoạt động trồng rừng.
C. sản lượng gỗ khai thác hàng năm tăng.
D. chưa ứng dụng khoa học công nghệ.
- Câu 15.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thế mạnh đối với việc hình thành và phát triển nông lâm thủy sản ở vùng Bắc Trung Bộ?
- A. Vùng có một số hồ, đầm phá lớn.
B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Vùng có bờ biển dài, vùng biển rộng.
D. Diện tích rừng tự nhiên rất nhỏ.
- Câu 16.** Thế mạnh về mặt tự nhiên ở đồng bằng sông Hồng là
- A. rừng cận xích đạo chiếm ưu thế. B. giàu khoáng sản nhất cả nước.
C. mạng lưới sông ngòi dày đặc. D. đất bazan chiếm diện tích lớn.
- Câu 17.** Nhận định **không** đúng với vấn đề phát triển công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là
- A. công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, công nghệ cao.
B. vùng có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất cả nước.
C. công nghiệp của đồng bằng sông Hồng ra đời muộn nhất.
D. công nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm có vị trí quan trọng.
- Câu 18.** Công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng hiện nay
- A. là ngành kinh tế thứ yếu, đóng góp tỷ trọng khá nhỏ.
B. ưu tiên phát triển các ngành có lợi thế về tài nguyên.
C. chỉ phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện đại.
D. cơ cấu ngành đa dạng, giá trị sản xuất tăng liên tục.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta, tập trung nhiều loại khoáng sản có ý nghĩa quan trọng thuộc các nhóm: năng lượng, kim loại, phi kim loại. Than tập trung ở Thái Nguyên, Điện Biên...; quặng sắt có trữ lượng lớn, phân bố ở Lào Cai, Thái Nguyên,...; thiếc phân bố tập trung ở Cao Bằng; đồng phân bố nhiều nơi nhưng tập trung ở Lào Cai, Sơn La. Ngoài ra, còn có chì, kẽm, man-gan, vàng,...

- a) Trung du và miền núi phía Bắc là vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta.
- b) Khoáng sản giàu có là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp khai khoáng.
- c) Khai thác than nhằm cung ứng nguồn nhiên liệu cho công nghiệp luyện kim và nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện.
- d) Để khai thác hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản vùng cần giao hoàn toàn việc khai thác cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là ngành kinh tế chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP của vùng Đồng bằng sông Hồng, năm 2021, giá trị sản xuất của ngành chiếm 42,1 % trong cơ cấu GRDP của vùng. Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng: giao thông vận tải, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng,...

- a) Đồng bằng sông Hồng là vùng có ngành dịch vụ chiếm tương đối thấp trong cơ cấu GRDP.
- b) Ngành dịch vụ ở đồng bằng sông Hồng có cơ cấu đa dạng.
- c) Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành dịch vụ ở đồng bằng sông Hồng là đô thị mở rộng, kinh tế phát triển.
- d) Ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng đa dạng chủ yếu do dân số đông, các ngành sản xuất phát triển.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH RỪNG VÀ SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC CỦA BẮC TRUNG BỘ
GIAI ĐOẠN 2010 – 2022**

Năm	2010	2015	2020	2022
Tổng diện tích rừng(nghìn ha)	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1
- Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha)	2127,3	2236,0	2205,5	2201,5
Sản lượng gỗ khai thác (nghìn m ³)	1195,9	2691,0	4507,8	4747,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

- a) Tổng diện tích rừng tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2022.
- b) Rừng trồng luôn chiếm tỉ trọng cao hơn rừng tự nhiên trong cơ cấu diện tích rừng.
- c) Sản lượng gỗ khai thác tăng chủ yếu do tăng cường khai thác các loại rừng.
- d) Tổng diện tích rừng tăng chủ yếu do đẩy mạnh trồng rừng, hạn chế khai thác rừng.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ là phần lãnh thổ thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Lãnh thổ chạy dài theo chiều bắc – nam, hẹp theo chiều đông – tây. Các tỉnh thuộc vùng đều giáp biển và từ đông sang tây gồm ba bộ phận: biển, đảo và thềm lục địa; đồng bằng ven biển; đồi núi. Mỗi bộ phận lãnh thổ có thế mạnh và những định hướng riêng cho việc phát triển kinh tế.

- a) Bắc Trung Bộ có lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

- b) Từ đông sang tây, các tỉnh của vùng Bắc Trung Bộ đều gồm ba bộ phận: biển, đảo và thềm lục địa; đồng bằng ven biển; đồi núi.
- c) Hướng phát triển trong nông nghiệp của vùng hiện nay thay đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao.
- d) Cấu trúc lãnh thổ có vai trò quyết định việc hình thành cơ cấu kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp Bắc Trung Bộ.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu 1. Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC
GIAI ĐOẠN 2018 - 2023**

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	2018	2023
Trung du và miền núi Bắc Bộ	1391,2	1195,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)

Tốc độ tăng trưởng số lượng trâu của Trung du và miền núi phía Bắc năm 2023 so với năm 2018 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hàng thập phân của đơn vị %)

Câu 2. Năm 2021, Đồng bằng sông Hồng có diện tích lúa là 970,3 nghìn ha, sản lượng lúa là 6020,4 nghìn tấn. Năng suất lúa của đồng bằng sông Hồng năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

Câu 3. Cho diện tích và sản lượng lúa cả năm của vùng Bắc Trung Bộ năm 2022 lần lượt là 663,4 nghìn ha và 3717,3 nghìn tấn. Tính năng suất lúa năm 2022 của vùng (Làm tròn kết quả đến hàng thập phân của tạ/ha)

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT XUYÊN MỘC**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN ĐỊA-LỚP 12**

Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 04 trang)

Mã đề thi: 1030

Họ, tên thí sinh:..... Lớp

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. thay đổi cách thức sản xuất, tạo ra việc làm, nâng cao vị thế của vùng.
- B. phân bố lại sản xuất, tạo nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nông sản.
- C. đổi mới trồng trọt, tăng hiệu quả kinh tế, thay đổi bộ mặt nông thôn.
- D. phát huy thế mạnh, phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp.

Câu 2. Ngành công nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng phát triển dựa trên thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguồn tài nguyên, nguồn lao động và thị trường tiêu thụ lớn.
- B. Cơ sở hạ tầng hiện đại và nguồn lao động chất lượng cao nhất.
- C. Những nền tảng phát triển công nghiệp từ các giai đoạn trước.
- D. Mở rộng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 3. Chăn nuôi gia súc ở Trung du và miền núi phía Bắc ngày càng phát triển chủ yếu là do

- A. công nghiệp chế biến, cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư.
- B. chính sách khuyến khích của Nhà nước, thu hút vốn đầu tư.
- C. thị trường tiêu thụ mở rộng, cơ sở thức ăn dần được đảm bảo.
- D. đồi núi chiếm phần lớn diện tích, khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Câu 4. Thế mạnh chủ yếu để phát triển du lịch ở Đồng bằng Sông Hồng là

- A. địa hình đa dạng, khí hậu phân hóa theo mùa, nhiều di tích, lễ hội.
- B. vị trí thuận lợi, lao động đông, nhiều đô thị lớn, kinh tế phát triển.
- C. nhiều tài nguyên du lịch, mức sống dân cư tăng, cơ sở hạ tầng tốt.
- D. lao động có trình độ, giao thông đồng bộ, tài nguyên phong phú.

Câu 5. Thế mạnh về khai thác và chế biến khoáng sản ở Trung du miền núi phía Bắc **không** phải là

- A. cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện.
- B. chủ yếu là khoáng sản phi kim loại.
- C. ứng dụng khoa học công nghệ mới.
- D. giàu khoáng sản bậc nhất cả nước.

Câu 6. Thế mạnh về điều kiện kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Hồng **không** phải là

- A. mật độ dân số thấp, cơ cấu dân số trẻ.
- B. chất lượng lao động cao nhất cả nước.
- C. cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật đồng bộ.
- D. thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư.

Câu 7. Vị trí địa lý của đồng bằng sông Hồng

- A. không giáp với Biển Đông.
- B. chỉ giáp với Bắc Trung Bộ.
- C. nằm ở trung tâm Bắc Bộ.
- D. tiếp giáp với nước bạn Lào.

Câu 8. Tỉnh thành của vùng đồng bằng sông Hồng vừa tiếp giáp với Trung Quốc trên đất liền và trên biển là

- A. Lai Châu.
- B. Quảng Ninh.
- C. Điện Biên.
- D. Lạng Sơn.

Câu 9. Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển giao thông vận tải ở đồng bằng sông Hồng là

- A. đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, nâng cao đời sống.
- B. thúc đẩy công nghiệp hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại.
- C. thúc đẩy phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu đi lại.
- D. đẩy nhanh đô thị hóa, giảm thiểu ách tắc giao thông.

Câu 10. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống.
- B. thu hút đầu tư, phát huy các thế mạnh, nâng cao vị thế của vùng.
- C. thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm, tạo hàng xuất khẩu.
- D. tạo ra việc làm, tăng sự phân hóa lãnh thổ, phân bố lại dân cư.

Câu 11. Thế mạnh chủ yếu của Trung du miền núi phía Bắc **không** phải là

- A. khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.

- B. phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
- C. trồng cây công nghiệp, cây ăn quả cận nhiệt.
- D. phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê, lợn.

Câu 12. Cây công nghiệp quan trọng nhất của vùng trung du và miền núi phía Bắc là

- A. chè.
- B. quế.
- C. cà phê.
- D. hồi.

Câu 13. Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.
- B. đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.
- C. đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.
- D. tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 14. Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. bền vững nguồn lợi thủy sản, đẩy mạnh nuôi trồng, tìm các ngư trường mới.
- B. tăng cường khai thác ven bờ, nuôi tôm trên cát, thúc đẩy liên kết sản xuất.
- C. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, mở rộng nuôi trồng, gắn sản xuất với chế biến.
- D. mở rộng ngư trường đánh bắt, thúc đẩy nuôi tôm, hiện đại hóa tàu thuyền.

Câu 15. Ngành thủy sản ở vùng Bắc Trung Bộ phát triển được chủ yếu do

- A. khí hậu thuận lợi, có nhiều cảng biển, dân cư nhiều kinh nghiệm.
- B. có nhiều ngư trường, trình độ lao động cao, nguồn vốn đầu tư lớn.
- C. ít thiên tai, sông ngòi dày đặc, nguồn lợi sinh vật biển phong phú.
- D. các tỉnh giáp biển, gần các ngư trường lớn, dân cư có kinh nghiệm.

Câu 16. Đặc điểm dân số của Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. tỷ lệ tăng dân số tự nhiên rất cao.
- B. có nhiều dân tộc anh em sinh sống.
- C. mật độ dân số cao hơn cả nước.
- D. dân cư chủ yếu sống ở thành thị.

Câu 17. Vùng trung du miền núi phía Bắc gồm

- A. 4 tỉnh.
- B. 15 tỉnh.
- C. 9 tỉnh.
- D. 11 tỉnh.

Câu 18. Mục đích chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu thành phần kinh tế, phân bố lại dân cư.
- B. phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển các vùng, đổi mới sản xuất.
- C. tạo sự liên kết các lãnh thổ với nhau, phát triển nhiều thành phần kinh tế.
- D. tạo ra cơ cấu ngành, khai thác tốt hơn các thế mạnh, tạo nhiều hàng hóa.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho đoạn thông tin sau:

Năm 2021, dân số của Đồng bằng sông Hồng có khoảng 23,2 triệu người chiếm 23,6% số dân cả nước, mật độ dân số cao đạt 1091 người/km². Tỷ lệ dân thành thị khoảng 37,6%. Vùng có tỷ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất cả nước. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 49,2% số dân của vùng, trong đó lao động đã qua đào tạo chiếm 37%.

a) Đồng bằng sông Hồng có số dân đông, nguồn lao động dồi dào.

b) Dân số ở đồng bằng sông Hồng chủ yếu sống ở thành thị.

c) Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao chủ yếu là do có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

d) Nguồn lao động dồi dào, trình độ cao là điều kiện thuận lợi để vùng phát triển đa dạng nhiều ngành kinh tế và thu hút đầu tư.

Câu 2. Cho một số thông tin về vùng kinh tế Bắc Trung Bộ:

Bắc Trung Bộ có dải đồng bằng ven biển với đất phù sa, đất cát phù hợp trồng cây công nghiệp hàng năm và cây lương thực. Khu vực gò đồi có diện tích tương đối rộng, thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn; một số nơi có đất bazan khá màu mỡ, tạo điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và trồng rừng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hoá theo độ cao địa hình thuận lợi cho phát triển các cây trồng nhiệt đới, cận nhiệt đới.

a) Khu vực đồi núi thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc lớn.

b) Việc sản xuất các nông sản nhiệt đới, cận nhiệt đới chủ yếu là do sự đa dạng của địa hình

c) Các mô hình kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên và góp phần phát triển bền vững là nông - lâm - ngư kết hợp.

d) Cơ cấu cây công nghiệp thích hợp với địa hình, đất đai và khí hậu là cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, lạc, mía,...

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ CẢ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2018 – 2022**

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	2018	2019	2020	2022
Trung du và miền núi phía Bắc	1391,2	1332,4	1293,9	1245,3
Cả nước	2486,9	2388,8	2332,8	2262,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

a) Đàn trâu có xu hướng tăng liên tục.

b) Năm 2022, đàn trâu của vùng Trung du miền núi phía Bắc chiếm gần 50% so với đàn trâu của cả nước.

c) Vùng nuôi nhiều trâu vì trâu phù hợp với điều kiện khí hậu lạnh.

d) Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao. Đất fe-ra-lit đỏ vàng chiếm 2/3 diện tích của vùng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế khác nhau như: trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn...

a) Trung du và miền núi phía Bắc có điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp nhiệt đới.

b) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh là điều kiện thuận lợi để phát triển cây ăn quả cận nhiệt và ôn đới.

c) Sự phân hóa địa hình, đất, khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng của Trung du và miền núi phía Bắc.

d) Cây chè phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do thị trường tiêu thụ rộng lớn, công nghiệp chế biến phát triển.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu 1. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ CẢ NƯỚC,
NĂM 2022**

Vùng	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Tiêu chí		
Diện tích (nghìn ha)	970,3	7238,9
Sản lượng (nghìn tấn)	6020,4	43852,6

(Nguồn: Niên giám thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

TỔNG DIỆN TÍCH RỪNG Ở BẮC TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2022
Tổng diện tích rừng	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2022 so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 3. Năm 2023, tổng đàn trâu cả nước là 2136,0 nghìn con, vùng Trung du và miền núi phía Bắc có 1193,5 nghìn con. Tính tỉ lệ trâu của Trung du miền núi phía Bắc trong tổng đàn trâu cả nước (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân của đơn vị %)

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT---

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT XUYỀN MỘC

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề KT có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN ĐỊA-LỚP 12

Thời gian làm bài: 45 phút

Mã đề thi: 1040

Họ, tên thí sinh:..... Lớp

PHẦN I- Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Thủy sản ở Bắc Trung Bộ

- A.** công nghệ khai thác lạc hậu.

C. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

B. sản lượng giảm liên tục.

D. chỉ phát triển nuôi tôm hùm.

Câu 2. Nhận định **không** đúng với vấn đề phát triển công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng là

- A.** vùng có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất cả nước.
- B.** công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, công nghệ cao.
- C.** công nghiệp của đồng bằng sông Hồng ra đời muộn nhất.

D. công nghiệp sản xuất chế biến thực phẩm có vị trí quan trọng.

Câu 3. Cây công nghiệp hàng năm nổi bật của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. mía, lạc
- B. mía, cao su.
- C. mía, cà phê.
- D. mía, lúa gạo.

Câu 4. Đặc điểm dân số của đồng bằng sông Hồng là

- A. mật độ dân số cao nhất cả nước.
- B. tỷ lệ tăng dân số tự nhiên rất cao.
- C. có dân số đông và giảm liên tục.
- D. dân cư chủ yếu sống ở thành thị.

Câu 5. Lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ

- A. diện tích rừng trồng ngày càng giảm.
- B. chưa ứng dụng khoa học công nghệ.
- C. sản lượng gỗ khai thác hàng năm tăng.
- D. chỉ đẩy mạnh hoạt động trồng rừng.

Câu 6. Công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng hiện nay

- A. cơ cấu ngành đa dạng, giá trị sản xuất tăng liên tục.
- B. ưu tiên phát triển các ngành có lợi thế về tài nguyên.
- C. chỉ phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện đại.
- D. là ngành kinh tế thứ yếu, đóng góp tỷ trọng khá nhỏ.

Câu 7. Thế mạnh về mặt tự nhiên ở đồng bằng sông Hồng là

- A. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. đất bazan chiếm diện tích lớn.
- C. rừng cận xích đạo chiếm ưu thế.
- D. giàu khoáng sản nhất cả nước.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thế mạnh đối với việc hình thành và phát triển nông lâm thủy sản ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Vùng có bờ biển dài, vùng biển rộng.
- C. Vùng có một số hồ, đầm phá lớn.
- D. Diện tích rừng tự nhiên rất nhỏ.

Câu 9. Sông có trữ năng thủy điện lớn nhất vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. sông Đà.
- B. sông Gâm.
- C. sông Chảy.
- D. sông Lô.

Câu 10. Thế mạnh của khu vực đồi núi ở Bắc Trung Bộ là

- A. trồng cây công nghiệp, cây rau đậu và nuôi lợn.
- B. trồng cây công nghiệp hàng năm, cây dược liệu.
- C. trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi gia súc lớn.
- D. trồng rau quả cận nhiệt và chăn nuôi gia súc nhỏ.

Câu 11. Tất cả các tỉnh ở Bắc Trung Bộ đều có thế mạnh để

- A. khai thác khoáng sản.
- B. phát triển kinh tế biển.
- C. trồng rau vụ đông.
- D. trồng cây dược liệu.

Câu 12. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.
- B. nâng cao thu nhập cho người lao động và bảo vệ môi trường.
- C. đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm.

Câu 13. Khai thác và chế biến khoáng sản ở Trung du miền núi phía Bắc hiện nay

- A. tập trung vào khai thác các mỏ than đá có giá trị cao.

- B. chỉ xây dựng các nhà máy nhiệt điện công suất rất nhỏ.
- C. có nhiều loại khoáng sản được khai thác và chế biến.
- D. khai thác khoáng sản không tác động đến môi trường.

Câu 14. Vùng đồng bằng sông Hồng gồm

- A. 14 tỉnh/thành.
- B. 10 tỉnh/thành.
- C. 11 tỉnh/thành.
- D. 6 tỉnh/thành.

Câu 15. Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du miền núi phía Bắc là

- A. nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào.
- B. cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng hoàn thiện.
- C. thị trường rộng và nguồn lao động có chất lượng.
- D. vị trí địa lí chiến lược, gần vùng kinh tế trọng điểm.

Câu 16. Thế mạnh chủ yếu để phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng trung du miền núi phía Bắc là

- A. nhiều đồng cỏ, cơ sở chế biến được đầu tư.
- B. khí hậu thuận lợi, có nhiều công nghệ mới.
- C. thị trường tiêu thụ rộng, địa hình phân hóa.
- D. nguồn nước dồi dào, chăn nuôi chuồng trại.

Câu 17. Hướng phát triển cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở trung du miền núi phía Bắc **không** phải là

- A. gắn với công nghiệp chế biến.
- B. chỉ phục vụ cho xuất khẩu.
- C. sản xuất nông nghiệp hàng hóa.
- D. phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Câu 18. Trên đất liền, Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc và

- A. Thái Lan.
- B. Mi-an-ma.
- C. Lào.
- D. Căm-pu-chia.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI. Trong từng câu, tại mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn một trong hai phương án **ĐÚNG** hoặc **SAI** bằng cách **TÔ** vào 1 trong 2 ô tương ứng ở phiếu trả lời trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là ngành kinh tế chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP của vùng Đồng bằng sông Hồng, năm 2021, giá trị sản xuất của ngành chiếm 42,1 % trong cơ cấu GRDP của vùng. Cơ cấu ngành dịch vụ đa dạng: giao thông vận tải, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng,...

- a) Đồng bằng sông Hồng là vùng có ngành dịch vụ chiếm tương đối thấp trong cơ cấu GRDP.
- b) Ngành dịch vụ ở đồng bằng sông Hồng có cơ cấu đa dạng.
- c) Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành dịch vụ ở đồng bằng sông Hồng là đô thị mở rộng, kinh tế phát triển.
- d) Ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng đa dạng chủ yếu do dân số đông, các ngành sản xuất phát triển.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH RỪNG VÀ SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC CỦA BẮC TRUNG BỘ
GIAI ĐOẠN 2010 – 2022**

Năm	2010	2015	2020	2022
Tổng diện tích rừng(nghìn ha)	2807,2	3045,0	3126,7	3131,1

- Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha)	2127,3	2236,0	2205,5	2201,5
Sản lượng gỗ khai thác (nghìn m ³)	1195,9	2691,0	4507,8	4747,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

- a) Tổng diện tích rừng tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2022.
b) Rừng trồng luôn chiếm tỉ trọng cao hơn rừng tự nhiên trong cơ cấu diện tích rừng.
c) Sản lượng gỗ khai thác tăng chủ yếu do tăng cường khai thác các loại rừng.
d) Tổng diện tích rừng tăng chủ yếu do đẩy mạnh trồng rừng, hạn chế khai thác rừng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ là phần lãnh thổ thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Lãnh thổ chạy dài theo chiều bắc – nam, hẹp theo chiều đông – tây. Các tỉnh thuộc vùng đều giáp biển và từ đông sang tây gồm ba bộ phận: biển, đảo và thềm lục địa; đồng bằng ven biển; đồi núi. Mỗi bộ phận lãnh thổ có thế mạnh và những định hướng riêng cho việc phát triển kinh tế.

- a) Bắc Trung Bộ có lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
b) Từ đông sang tây, các tỉnh của vùng Bắc Trung Bộ đều gồm ba bộ phận: biển, đảo và thềm lục địa; đồng bằng ven biển; đồi núi.
c) Hướng phát triển trong nông nghiệp của vùng hiện nay thay đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao.
d) Cấu trúc lãnh thổ có vai trò quyết định việc hình thành cơ cấu kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp Bắc Trung Bộ.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta, tập trung nhiều loại khoáng sản có ý nghĩa quan trọng thuộc các nhóm: năng lượng, kim loại, phi kim loại. Than tập trung ở Thái Nguyên, Điện Biên...; quặng sắt có trữ lượng lớn, phân bố ở Lào Cai, Thái Nguyên,...; thiếc phân bố tập trung ở Cao Bằng; đồng phân bố nhiều nơi nhưng tập trung ở Lào Cai, Sơn La. Ngoài ra, còn có chì, kẽm, man-gan, vàng,...

- a) Trung du và miền núi phía Bắc là vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta.
b) Khoáng sản giàu có là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp khai khoáng.
c) Khai thác than nhằm cung ứng nguồn nhiên liệu cho công nghiệp luyện kim và nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện.
d) Để khai thác hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản vùng cần giao hoàn toàn việc khai thác cho các nhà đầu tư nước ngoài.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn

Câu 1. Năm 2021, Đồng bằng sông Hồng có diện tích lúa là 970,3 nghìn ha, sản lượng lúa là 6020,4 nghìn tấn. Năng suất lúa của đồng bằng sông Hồng năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

Câu 2. Cho diện tích và sản lượng lúa cả năm của vùng Bắc Trung Bộ năm 2022 lần lượt là 663,4 nghìn ha và 3717,3 nghìn tấn. Tính năng suất lúa năm 2022 của vùng (Làm tròn kết quả đến hàng thập phân của tạ/ha)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

(Đơn vị: Nghìn con)

Năm	2018	2023
Trung du và miền núi Bắc Bộ	1391,2	1195,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)

Tốc độ tăng trưởng số lượng trâu của Trung du và miền núi phía Bắc năm 2023 so với năm 2018 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hàng thập phân của đơn vị %)

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

--- HẾT ---

ĐÁP AN KT GIUA KY 2 MON DIA 12(2025-2026)

PHẦN I

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1010	C	A	B	A	D	A	A	D	C	C	B	B	B	D	A	C	C	C
1030	D	A	C	C	B	A	C	B	C	A	B	A	D	C	D	B	C	D

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1020	B	C	D	D	C	B	A	D	A	D	B	A	A	C	D	C	C	D
1040	C	C	A	A	C	A	A	D	A	C	B	C	C	D	A	A	B	C

PHẦN II: 1010

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
a	S	a	Đ	a	Đ	a	S
b	S	b	S	b	S	b	S
c	Đ	c	S	c	Đ	c	Đ
d	S	d	Đ	d	Đ	d	Đ

PHẦN II: 1020

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
a	Đ	a	S	a	Đ	a	Đ
b	Đ	b	Đ	b	S	b	Đ
c	Đ	c	Đ	c	S	c	Đ
d	S	d	Đ	d	Đ	d	S

PHẦN II: 1030

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
a	Đ	a	Đ	a	S	a	S
b	S	b	S	b	S	b	S
c	S	c	Đ	c	Đ	c	Đ
d	Đ	d	Đ	d	Đ	d	S

PHẦN II: 1040

CÂU 1		CÂU 2		CÂU 3		CÂU 4	
-------	--	-------	--	-------	--	-------	--

a	S	a	Đ	a	Đ	a	Đ
b	Đ	b	S	b	Đ	b	Đ
c	Đ	c	S	c	Đ	c	Đ
d	Đ	d	Đ	d	S	d	S

PHẦN III:

MA ĐỀ	CÂU 1	CÂU 2	CÂU 3
1010	55,9	62,0	112
1020	85,9	62,0	56,0
1030	62,0	112	55,9
1040	62,0	56,0	85,9